

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Quách Thị T**, sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHTT: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở: Xóm R, xã H, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

+ *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn S**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Ngân hàng C**. Địa chỉ trụ sở: Số 1xx phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc L - Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình (*Theo văn bản ủy quyền số 73xx/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội*).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S thuận tình ly hôn nhau.

2.2. *Về con chung*: Chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S có 02 con chung là Bùi Đức C, sinh ngày 04/3/2015 và Bùi Minh T, sinh ngày 08/01/2017. Khi ly hôn, anh Bùi Văn S nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Đức C và Bùi Minh T và chưa có yêu cầu chị Quách Thị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Quách Thị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có.

2.4. *Về nợ chung*: Các đương sự tự thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

Chị Quách Thị T và anh Bùi Văn S còn có nợ Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Hòa Bình - Phòng Giao dịch huyện Lạc Sơn số tiền gốc là 25.000.000 đ và 226.028đ lãi tính đến ngày 02/6/2020. Tổng cộng là 25.226.028 (*Hai mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi tám*) đồng. Khi ly hôn, anh Bùi Văn S nhận nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng C - Chi nhánh Hòa Bình - Phòng Giao dịch huyện Lạc Sơn cả gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

2.5. *Về án phí*: Chị Quách Thị T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003503 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Quách Thị T còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Viện KSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã T - Lạc Sơn - Hòa Bình;
- (*Nơi đăng ký kết hôn ngày 18/11/2013*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Phạm Cao Sơn